

2023年度男女HNT選手選考合宿・練習スケジュール（コート割り当て）

2023.03.13

HB：ホープス男子 HG：ホープス女子

CB：カブ男子 CG：カブ女子

BB：バンビ男子 BG：バンビ女子

※数字はリーグ表に記載されている番号。例）HB1は、ホープス男子の1番の選手

※4月4日（月）の練習コートはフリーです。

4月4日（火）					4月5日（水）					4月6日（木）					4月7日（金）							
ｺｰﾄ	14:00 ～15:00	15:00 ～16:00	16:00 ～17:00	17:00 ～18:00	種目	ｺｰﾄ	10:00 ～10:30	10:30 ～11:00	11:00 ～11:30	11:30 ～12:00	種目	ｺｰﾄ	9:00 ～9:20	9:20 ～9:40	10:20 ～10:40	12:25 ～12:45	種目	ｺｰﾄ	9:00 ～9:20	9:20 ～9:40		
1					HB	1	HB1	HB11	HB1	HB11	HB	1	HB1	HB11		CB1	HB	1	HB1	HB11		
2						2	HB2	HB12	HB2	HB12		2	HB2	HB12		CB2		2	HB2	HB12		
3						3	HB3	HB13	HB3	HB13		3	HB3	HB13		CB3		3	HB3	HB13		
4						4	HB4	HB14	HB4	HB14		4	HB4	HB14		CB4		4	HB4	HB14		
5						5	HB5	HB15	HB5	HB15		5	HB5	HB15		CB5		5	HB5	HB15		
6						6	HB6	HB16	HB6	HB16		6	HB6	HB16		CB6		6	HB6	HB16		
7						7	HB7	HB17	HB7	HB17		7	HB7	HB17		CB7		7	HB7	HB17		
8						8	HB8	HB18	HB8	HB18		8	HB8	HB18		CB8		8	HB8	HB18		
9						9	HB9	HB19	HB9	HB19		9	HB9	HB19		CB9		9	HB9	HB19		
10						10	HB10	HB20	HB10	HB20		10	HB10	HB20		CB10		10	HB10	HB20		
11					CB	11	CB1	CB9	CB1	CB9	CB	11	HG1			CB11	HG	19	HG1	HG13		
12						12	CB2	CB10	CB2	CB10		12	HG2			CB12		20	HG2	HG14		
13						13	CB3	CB11	CB3	CB11		13	HG3			CB13		21	HG3	HG15		
14						14	CB4	CB12	CB4	CB12		14	HG4			CB14		22	HG4	HG16		
15						15	CB5	CB13	CB5	CB13		15	HG5			CB15		23	HG5	HG17		
16						16	CB6	CB14	CB6	CB14		16	HG6					24	HG6	HG18		
17						17	CB7	CB15	CB7	CB15		17	HG7					25	HG7	HG19		
18						18	CB8		CB8			18	HG8					26	HG8	HG20		
19					HG	19	HG1	HG13	HG1	HG13	HG	19	HG9					27	HG9	HG21		
20						20	HG2	HG14	HG2	HG14		20	HG10					28	HG10	HG22		
21						21	HG3	HG15	HG3	HG15		21	HG11					29	HG11	HG23		
22						22	HG4	HG16	HG4	HG16		22	HG12					30	HG12	HG24		
23						23	HG5	HG17	HG5	HG17		23	HG13									
24						24	HG6	HG18	HG6	HG18		24	HG14									
25						25	HG7	HG19	HG7	HG19		25	HG15									
26						26	HG8	HG20	HG8	HG20		26	HG16									
27						27	HG9	HG21	HG9	HG21		27	HG17									
28						28	HG10	HG22	HG10	HG22		28	HG18									
29						29	HG11	HG23	HG11	HG23		29	HG19									
30						30	HG12	HG24	HG12	HG24		30	HG20									
31					CG	31	CG1	CG7	CG1	CG7	CG	31	HG21		BG1	CG1						
32						32	CG2	CG8	CG2	CG8		32	HG22		BG2	CG2						
33						33	CG3	CG9	CG3	CG9		33	HG23		BG3	CG3						
34						34	CG4	CG10	CG4	CG10		34	HG24		BG4	CG4						
35						35	CG5	CG11	CG5	CG11		35			BG5	CG5						
36						36	CG6		CG6			36			BG6	CG6						
37					BG	37	BG1	BG8	BG1	BG8	BG	37			BG7	CG7						
38						38	BG2	BG9	BG2	BG9		38			BG8	CG8						
39						39	BG3	BG10	BG3	BG10		39			BG9	CG9						
40						40	BG4	BG11	BG4	BG11		40			BG10	CG10						
41						41	BG5	BG12	BG5	BG12		41			BG11	CG11						
42						42	BG6	BG13	BG6	BG13		42			BG12							
43						43	BG7	BB3	BG7			43			BG13							
44					BB	44	BB1	BB4	BB1	BB3	BB	44										
45						45	BB2	BB5	BB2	BB4		45										

近畿・中国・四国・九州	北海道・東北・沖縄・関東・東海・北信越	近畿・中国・四国・九州	北海道・東北・沖縄・関東・東海・北信越
-------------	---------------------	-------------	---------------------